

Superior Court of Washington, County of _____
Tòa Thượng Thẩm Washington, Quận _____

In re Guardianship/Conservatorship of:
Về Quyền Giám Hộ/Quyền Bảo Hộ:

Respondent
Bị Đơn

No.: _____
Số: _____

Order Appointing Emergency
Lệnh Chỉ Định Khẩn Cấp

☐ **Guardian (ORAP EG)**

Người Giám Hộ (ORAP EG)

☐ **Conservator (ORAP EC)**

Người Bảo Hộ (ORAP EC)

☐ **Guardian/Conservator (ORAP EGC)**

Người Giám Hộ/Người Bảo Hộ
(ORAP EGC)

☐ **Clerk's Action Required: 1, 18, 24**

Việc Lục Sự Cần Làm: 1, 18, 24

Instructions for use: Use this form only after a court hearing on petition for appointment of an emergency guardian and/or conservator, which occurs after notice to Respondent and after a Court Visitor and attorney for Respondent have been appointed by the court. Use this form with the *Petition for Emergency Guardianship of Adult and/or Conservatorship of an Adult/Minor* (GDN E 301).

Hướng dẫn sử dụng: Sử dụng mẫu đơn này chỉ sau phiên tòa về đơn xin chỉ định một người giám hộ và/hoặc người bảo hộ khẩn cấp, diễn ra sau thông báo cho Bị Đơn và sau khi tòa án đã chỉ định Người Biện Hộ Đại Diện và luật sư cho Bị Đơn. Sử dụng mẫu đơn này cùng với Đơn Xin Quyền Giám Hộ Khẩn Cấp Cho Người Lớn và/hoặc Quyền Bảo Hộ Người Lớn/Trẻ Vị Thành Niên (GDN E 301).

Order Appointing Emergency Guardian and/or Conservator
Lệnh Chỉ Định Người Giám Hộ và/hoặc Người Bảo Hộ Khẩn Cấp

1. Summary
Tóm Tắt

Date guardian/conservator appointed: _____

Ngày người giám hộ/người bảo hộ được chỉ định: _____

Due date for report (within 45 days): _____

Ngày đến hạn nộp báo cáo (trong vòng 45 ngày): _____

Date of next review: _____
 Ngày tái xét kế tiếp: _____
 Letters expire on (within 60 days): _____
 Thư hết hạn vào (trong vòng 60 ngày): _____
 Bond amount: \$ _____
 Số tiền bảo lãnh: \$ _____
 Restricted account agreements required: [] Yes [] No
 Thỏa thuận tài khoản hạn chế được yêu cầu: [-] Có [-] Không

[] Certified Professional Guardian (CPG) [] Public Professional Guardian (PUG)
 [] Lay (family) guardian (LGD) [] Training completed [] Training required
 Người Giám Hộ Chuyên Nghiệp Có Chứng Nhận (CPG) [-] Người Giám Hộ Chuyên Nghiệp Công (PUG) [-] Người giám hộ (gia đình) không chuyên (LGD) [-] Khóa huấn luyện hoàn tất [-] Khóa huấn luyện bắt buộc

	Individual Subject to Guardianship/Conservatorship Cá Nhân Chiu Dưới Quyền Giám Hộ/Quyền Bảo Hộ	Guardian/Conservator Người Giám Hộ/Người Bảo Hộ
Name Tên		
Address Địa Chỉ		
Phone Điện Thoại		
Email Email		
Facsimile Fax		

	Notice Party Đương Sự Được Thông Báo	Notice Party Đương Sự Được Thông Báo
Name Tên		
Address Địa Chỉ		
Phone* Điện Thoại*		
Email Email		
Relation to Individual		

Mối Quan Hệ với Cá Nhân		
--------------------------------	--	--

This matter came on regularly for hearing on an emergency petition for appointment of guardian and/or conservator of Respondent,

Vấn đề này đã được đưa ra xét xử thường xuyên theo đơn xin khẩn cấp về chỉ định người giám hộ và/hoặc người bảo hộ của Bị Đơn,

The proposed guardian and/or conservator was present.

Người giám hộ và/hoặc người bảo hộ được đề xuất đã hiện diện.

The court visitor (visitor) and Respondent's lawyer were present. The following other persons were also present at the hearing: _____

Người biện hộ đại diện (người biện hộ) và luật sư của Bị Đơn đã hiện diện. Những người khác sau đây cũng đã hiện diện tại phiên xét xử:

The court considered the written report of the visitor and [] the professional evaluation, testimony of witnesses, remarks of counsel, and the documents filed herein. Based on the above, the court makes the following:

Tòa án đã xem xét báo cáo bằng văn bản của người biện hộ và [-] đánh giá chuyên môn, lời khai của nhân chứng, nhận xét của luật sư và văn kiện được đệ trình trong vụ án này. Dựa trên các mục trên đây, tòa án đưa ra như sau:

Findings of Fact

Thành Lập Sự Kiện

2. All notices required by law have been given, and proof of service as required by statute is on file.

Tất cả các thông báo được yêu cầu theo luật pháp đã được đưa ra và bằng chứng tổng đạt phải được lưu trong hồ sơ theo quy định của đạo luật.

The court finds, by clear and convincing evidence, Respondent, Respondent's lawyer, and the visitor were given proper notice, at least 14 days prior to the hearing on the petition. Required proof of service is on file.

Tòa án nhận thấy, theo bằng chứng rõ ràng và thuyết phục, Bị Đơn, luật sư của Bị Đơn và người biện hộ đã được thông báo đúng cách, ít nhất 14 ngày trước phiên xét xử về đơn xin. Bằng chứng tổng đạt bắt buộc phải được lưu trong hồ sơ.

3. Jurisdiction Thẩm Quyền

The jurisdictional facts set forth in the petition are true and correct, and the court has jurisdiction over the person and/or estate of Respondent.

Các sự kiện về thẩm quyền nêu ra trong đơn xin là đúng sự thật và chính xác, và tòa án có thẩm quyền đối với người này và/hoặc di sản của Bị Đơn.

4. Respondent's Attendance Sự Tham Dự Của Bị Đơn

[] Respondent was present in court;

Bị Đơn đã hiện diện tại tòa án;

[] Respondent was not present in court for good cause shown _____
Bị Đơn đã không hiện diện tại tòa án vì lý do chính đáng đã được đưa ra

5. **Court Visitor (Visitor)**
Người Biện Hộ Đại Diện (Người Biện Hộ)

The visitor appointed by the court has filed a report with the court. The report is complete and complies with all requirements of RCW 11.130.320 and/or RCW 11.130.430.
Người biện hộ được tòa án chỉ định đã trình nộp báo cáo cho tòa án. Báo cáo đầy đủ và tuân thủ tất cả các yêu cầu của RCW 11.130.320 và/hoặc 11.130.430.

6. **Alternative arrangements made by the Respondent**
Các thỏa thuận thay thế do Bị Đơn thực hiện

[] Respondent did not make alternative arrangements for assistance, such as power of lawyer or other protective arrangements.
Bị Đơn đã không thực hiện các thỏa thuận thay thế để được hỗ trợ, như giấy ủy quyền hoặc các thỏa thuận bảo vệ khác.

[] Respondent made other protective arrangements for assistance, but such arrangements are inadequate in the following respects:
Bị Đơn đã thực hiện các thỏa thuận bảo vệ khác để được hỗ trợ, nhưng các thỏa thuận này không đầy đủ ở những khía cạnh sau đây:

[] (Name) _____ has been acting in a fiduciary capacity in the following areas _____
for Respondent and should **not** continue to do so for the following reasons:
(Tên) _____ đã hành động với tư cách là người được ủy thác có năng lực
cho Bị Đơn và **không** nên tiếp tục làm như vậy vì các lý do sau đây:

7. **Basis for emergency guardianship and/or conservatorship**
Cơ sở cho quyền giám hộ và/hoặc quyền bảo hộ khẩn cấp

An emergency exists and no other person has the willingness or authority to act to prevent substantial and irreparable harm to Respondent's identified emergency need related to health, safety, welfare, property, or financial interests. Respondent, by clear and convincing evidence:

Tình trạng khẩn cấp hiện có và không có người nào khác sẵn sàng hoặc có thẩm quyền hành động để ngăn chặn tổn hại đáng kể và không thể khắc phục được đối với nhu cầu khẩn cấp đã xác định của Bị Đơn liên quan đến sức khỏe, an toàn, phúc lợi, tài sản hoặc lợi ích tài chính. Bị Đơn, qua bằng chứng rõ ràng và thuyết phục:

[] lacks the ability to meet essential requirements for physical health, safety, or self-care because Respondent is unable to receive and evaluate information or make

or communicate decisions, even with appropriate supportive services, technological assistance, or supported decision making.

thiếu khả năng đáp ứng các yêu cầu thiết yếu về sức khỏe thể chất, an toàn hoặc khả năng tự chăm sóc bởi vì Bị Đơn không thể tiếp nhận và đánh giá thông tin hoặc đưa ra hay truyền đạt quyết định, ngay cả với các dịch vụ hỗ trợ phù hợp, hỗ trợ công nghệ hoặc hỗ trợ ra quyết định.

- [] is incapable of managing property or financial affairs due to [] a limitation in Respondent's ability to receive and evaluate information or [] physical absence. An appointment of a conservator is necessary to [] avoid a significant dissipation of the individual's property or [] obtain funds or property to support and care for the individual or their dependents.

không đủ khả năng quản lý tài sản hoặc các vấn đề tài chính do [-] khả năng tiếp nhận và đánh giá thông tin của Bị Đơn bị hạn chế hoặc [-] vắng mặt thực sự. Sự chỉ định người bảo hộ là cần thiết để [-] tránh việc tiêu tán đáng kể tài sản của cá nhân hoặc [-] có được tiền hoặc tài sản để hỗ trợ và chăm sóc cá nhân hoặc những người phụ thuộc của họ.

- [] is in need of a full [] guardianship and/or [] conservatorship.
đang cần [-] quyền giám hộ toàn diện và/hoặc [-] quyền bảo hộ toàn diện.

- [] is capable of managing some personal and/or financial affairs, but is in need of the protection and assistance of a limited [] guardian [] conservator. These specific powers are granted to the [] guardian [] conservator:

có đủ khả năng quản lý một số vấn đề cá nhân và/hoặc tài chính, nhưng cũng cần sự bảo vệ và hỗ trợ của [-] người giám hộ có giới hạn [-] người bảo hộ có giới hạn. Các quyền hạn cụ thể này được cấp cho [-] người giám hộ [-] người bảo hộ:

- [] There is clear and convincing evidence that Respondent's emergency needs cannot be met by a protective arrangement instead of guardianship and/or conservatorship or other less restrictive alternative, including use of appropriate supportive services, technological assistance, or supported decision making.

Có bằng chứng rõ ràng và thuyết phục rằng các nhu cầu khẩn cấp của Bị Đơn không thể được đáp ứng bằng một thỏa thuận bảo vệ thay cho quyền giám hộ và/hoặc quyền bảo hộ hay giải pháp thay thế ít hạn chế hơn, bao gồm việc sử dụng các dịch vụ có hỗ trợ phù hợp, hỗ trợ công nghệ hoặc hỗ trợ ra quyết định.

- [] There is clear and convincing evidence that Respondent's needs cannot be met by limited guardianship and/or conservatorship. The guardianship and/or conservatorship is appropriate.

Có bằng chứng rõ ràng và thuyết phục mà các nhu cầu của Bị Đơn không thể được đáp ứng bằng quyền giám hộ và/hoặc quyền bảo hộ hạn chế. Quyền giám hộ và/hoặc quyền bảo hộ là phù hợp.

8. Emergency Guardian and/or Conservator
Người Giám Hộ và/hoặc Người Bảo Hộ Khẩn Cấp

The proposed guardian/conservator is qualified to act as ☐ guardian and/or ☐ conservator for Respondent. They have filed the *Disclosure of Guardian or Conservator*. Their address, phone numbers, and email address are as follows:
Người giám hộ/người bảo hộ được đề xuất có đủ điều kiện để làm một [-] người giám hộ và/hoặc

[-] người bảo hộ cho Bị Đơn. Họ đã trình nộp bản Công Bố Người Giám Hộ hoặc Người Bảo Hộ. Địa chỉ, số điện thoại và địa chỉ email của họ như sau:

Address: _____

Địa chỉ:

Phone No./s: Business _____ Personal _____
(Các) Số điện thoại: Doanh nghiệp Cá nhân

Email: _____

Email:

The relationship of the guardian and/or conservator to the respondent is:

Mối quan hệ giữa người giám hộ và/hoặc người bảo hộ với bị đơn là:

☐ The guardian and/or conservator provides paid services, is a relative, or is employed by a person that provides paid services to Respondent. The court finds, by clear and convincing evidence, that the guardian and/or conservator is the best qualified person for the appointment and the appointment is in the best interest of the respondent.

Người giám hộ và/hoặc người bảo hộ cung cấp các dịch vụ có trả phí, là họ hàng hoặc được thuê bởi một người cung cấp dịch vụ có trả phí cho Bị Đơn. Tòa án nhận thấy, theo bằng chứng rõ ràng và thuyết phục, rằng người giám hộ và/hoặc người bảo hộ là người đủ điều kiện nhất để chỉ định và sự chỉ định này là vì lợi ích tốt nhất của bị đơn.

9. Visitor fees and costs

Phí và chi phí của người biện hộ

☐ The visitor was appointed at ☐ county expense ☐ estate expense and shall submit a motion for payment of fees and costs pursuant to the local rules.

Người biện hộ đã được chỉ định theo mức [-] chi phí của quận [-] chi phí di sản và phải trình nộp kiến nghị chi trả phí và chi phí căn cứ theo các quy tắc địa phương.

☐ The visitor has requested a fee of \$_____ for services rendered and reimbursement of \$_____ for costs incurred while acting as visitor. Fees in the amount of \$_____ and costs in the amount of \$_____ are reasonable and should be paid as follows:

Người biện hộ đã yêu cầu phí là \$_____ cho các dịch vụ được cung cấp và hoàn trả là \$_____ cho các chi phí phát sinh khi đóng vai trò làm người biện hộ. Phí trong số tiền là \$_____ và chi phí trong số tiền là \$_____ là hợp lý và phải được chi trả như sau:

☐ \$_____ by the guardian/conservator from the estate and/or \$_____ bởi người giám hộ/người bảo hộ từ di sản và/hoặc

☐ by the County of _____
bởi Quận là

[] \$ _____ by _____ for the following reason/s:
\$ _____ bởi _____ vì (các) lý do sau đây:

10. Conservator's Bond
Tiền Bảo Lãnh Của Người Bảo Hộ

The assets of Respondent:

Tài sản của Bị Đơn:

- [] does not apply. Respondent only has a guardianship.
không áp dụng. Bị Đơn chỉ có một quyền giám hộ.
- [] total less than three thousand dollars (\$3,000) and no bond is required.
tổng ít hơn ba ngàn đô la (\$3,000) và không bắt buộc phải có tiền bảo lãnh.
- [] exceed three thousand dollars (\$3,000), and a bond is required.
vượt quá ba ngàn đô la (\$3,000) và bắt buộc phải có tiền bảo lãnh.
- [] exceed three thousand dollars (\$3,000) and should be placed in a blocked account with an insured financial institution or bonded.
vượt quá ba ngàn đô la (\$3,000) và phải được gửi vào tài khoản bị phong tỏa tại một tổ chức tài chính được bảo hiểm hoặc được bảo lãnh.
- [] should be held by a conservator who is a regulated financial institution qualified to conduct trust business in this state, and the court waives any bond requirement.
phải được nắm giữ bởi người bảo hộ là một tổ chức tài chính được quản lý đủ điều kiện để kinh doanh tín thác tại tiểu bang này và tòa án bãi miễn bất kỳ yêu cầu nào về tiền bảo lãnh.
- [] Other: _____
Khác:
-

Conclusions of Law
Kết Luận của Luật Pháp

Based upon the above findings of fact, the court makes the following conclusions of law:
Dựa vào việc thành lập sự kiện trên đây, tòa án đưa ra kết luận của luật pháp sau đây:

11. Individual Subject to Emergency Guardianship/Conservatorship
Cá Nhân Chịu Dưới Quyền Giám Hộ/Quyền Bảo Hộ Khẩn Cấp

(Name) _____ is an individual who meets the requirements to be subject to guardianship and/or conservatorship within the meaning of Chapter 11.130 RCW, and a:
(Tên) _____ là một cá nhân đáp ứng các yêu cầu chịu dưới quyền giám hộ và/hoặc quyền bảo hộ theo nghĩa của Chương 11.130 RCW, và một:

- [] full [] limited guardian and/or
người giám hộ chính thức [-] có giới hạn và/hoặc
- [] full [] limited conservator should be appointed.
người bảo hộ chính thức [-] có giới hạn nên được chỉ định

12. Emergency Guardian and/or Conservator

Người Giám Hộ và/hoặc Người Bảo Hộ Khẩn Cấp

(Name) _____ is a fit and proper person as required by RCW 11.130.305/.415 to be appointed as a guardian/conservator.

(Tên) _____ là người phù hợp và chính đáng theo yêu cầu của RCW 11.130.305/.415 để được chỉ định làm người giám hộ/người bảo hộ.

**13. Powers and limitations of the emergency guardian and/or conservator
Quyền hạn và hạn chế của người giám hộ/người bảo hộ khẩn cấp**

The powers and limitations of the guardian and/or conservator include:

Quyền hạn và hạn chế của người giám hộ và/hoặc người bảo hộ bao gồm:

- ☐ The guardian and/or conservator are granted the following powers to meet Respondent's specific emergency need: _____

Người giám hộ và/hoặc người bảo hộ được cấp các quyền hạn sau đây để đáp ứng nhu cầu khẩn cấp cụ thể của Bị Đơn:

- ☐ Other: _____
Khác:

**14. Limitations and restrictions placed on Respondent
Các giới hạn và hạn chế áp dụng cho Bị Đơn**

The limitations and restrictions placed on Respondent are as follows:

Các giới hạn và hạn chế áp dụng cho Bị Đơn như sau:

- ☐ To vote or hold an elected office.
Bỏ phiếu hoặc giữ chức vụ được bầu.
- ☐ To marry, divorce, or enter into or end a state registered domestic partnership.
Kết hôn, ly hôn hoặc thiết lập hay chấm dứt quan hệ sống chung có đăng ký tiểu bang.
- ☐ To consent to or refuse medical treatment.
Đồng ý hoặc từ chối điều trị bệnh.
- ☐ To decide who shall provide care and assistance.
Quyết định ai sẽ cung cấp dịch vụ chăm sóc và hỗ trợ.
- ☐ To make decisions regarding social aspects of their life.
Đưa ra quyết định về các khía cạnh xã hội trong cuộc sống của họ.
- ☐ To possess a license to drive.
Có giấy phép lái xe.
- ☐ To make or revoke a will.

Lập hoặc hủy bỏ di chúc.

[] To enter into a contract.
Ký kết hợp đồng.

[] To appoint someone to act on their behalf.
Chỉ định người nào đó thay mặt cho họ.

[] To sue and be sued, other than through a guardian and/or conservator.
Kiện và bị kiện, không thông qua người giám hộ và/hoặc người bảo hộ.

[] To buy, sell, own, mortgage, or lease property.
Mua, bán, sở hữu, thế chấp hoặc cho thuê bất động sản.

[] To manage their money.
Quản lý tiền bạc của họ.

[] Other limitations and restrictions: _____
Các giới hạn và hạn chế khác:

15. Restrictions on Respondent's right to communicate, visit, and interact with others
Các hạn chế đối với quyền giao tiếp, thăm nom và tương tác với những người khác

The guardian is authorized to restrict Respondent's right to communicate, visit, and interact or otherwise associate with the following persons:

Người giám hộ được cho phép hạn chế quyền giao tiếp, thăm nom và tương tác của Bị Đơn hoặc theo cách khác với những người sau đây:

Name of Person <i>Tên Người</i>	Nature of Restriction <i>Bản Chất về Hạn Chế</i>
1. _____	_____
2. _____	_____
3. _____	_____

16. The court finds it would be contrary to the preference of Respondent to provide notice to (name/s) _____ who are a spouse, domestic partner, or adult child.

Tòa án nhận thấy rằng việc thông báo cho ((các) tên) sẽ trái với sở thích của Bị Đơn là vợ/chồng, bạn tình sống chung hoặc con trưởng thành.

The court orders:
Các lệnh tòa:

17. Appointment of Emergency Guardian and/or Conservator
Chỉ Định Người Giám Hộ và/hoặc Người Bảo Hộ Khẩn Cấp

(Name) _____ is appointed as:
(Tên) _____ *được chỉ định làm:*

[] Full [] Limited Guardian and/or [] Full [] Limited Conservator of _____,
Người Giám Hộ Chính Thức [-] Có Giới Hạn và/hoặc [-] Người Bảo Hộ Chính Thức [-] Có Giới Hạn

_____ and the powers and limitations of the guardian/conservator, the restrictions on Respondent's right to communicate, visit, or interact with others, and the limitation and restrictions placed on Respondent shall be as set forth in paragraphs **13, 14, and 15** of the Conclusions of Law.

và các quyền hạn và giới hạn của người giám hộ/người bảo hộ, các hạn chế về quyền giao tiếp, thăm nom hoặc tương tác của Bị Đơn với những người khác, và giới hạn và hạn chế áp dụng cho Bị Đơn sẽ được quy định trong các đoạn **13, 14 và 15** thuộc phần Kết Luận của Luật Pháp.

18. Letters of Guardianship and/or Conservatorship
Thư về Quyền Giám Hộ và/hoặc Quyền Bảo Hộ

The clerk of the court shall issue letters of guardianship and/or conservatorship valid for 60 days to (name) _____ upon the filing of an acceptance of appointment, any bond and verified receipt required in section **10**, and form GDN ALL 008, *Designation of and Consent by In-State (Resident) Agent*, if the guardian/conservator or limited guardian/conservator resides outside the state.

Lục sự tòa án sẽ cấp phát thư về quyền giám hộ và/hoặc quyền bảo hộ có hiệu lực 60 ngày cho (tên) _____ khi nộp đơn

chấp nhận chỉ định, bất kỳ số tiền bảo lãnh hoặc biên nhận đã xác minh nào được yêu cầu trong mục **10**, và mẫu đơn GDN ALL 008, *Sự Chỉ Định và Đồng Ý của Người Đại Diện Trong Tiểu Bang (Cư Trú)*, nếu người giám hộ/người bảo hộ hoặc người giám hộ/người bảo hộ có giới hạn cư trú ở bên ngoài tiểu bang.

19. Lay Guardian/Conservator Training
Khóa Huấn Luyện Người Giám Hộ/Người Bảo Hộ Không Chuyên

[] Does not apply. The guardian/conservator is a certified professional guardian/conservator or financial institution.

Không áp dụng. Người giám hộ/người bảo hộ là người giám hộ/người bảo hộ chuyên nghiệp có chứng nhận hoặc tổ chức tài chính.

[] The petitioner submitted evidence that the guardian/conservator successfully completed lay guardian/conservator training.

Nguyên đơn đã trình nộp bằng chứng rằng người giám hộ/người bảo hộ đã hoàn tất thành công khóa huấn luyện người giám hộ/người bảo hộ không chuyên.

[] The guardian/conservator must complete and file proof of completion of lay guardian/conservator training or obtain an order waiving training by (date) _____ (no more than 14 days after today's date).

Người giám hộ/người bảo hộ phải hoàn tất và trình nộp bằng chứng hoàn tất khóa huấn luyện người giám hộ/người bảo hộ không chuyên hoặc có được lệnh miễn huấn luyện trước (ngày) (không quá 14 ngày sau ngày hôm nay).

20. Conservatorship bond and security
Tiền thế chấp và tiền bảo lãnh về quyền bảo hộ

[] Conservatorship bond is set in the amount of \$ _____.
Tiền bảo lãnh về quyền bảo hộ được thiết lập với số tiền là \$

[] Bond is waived.
Tiền bảo lãnh được miễn.

[] Bond shall be reviewed at the hearing on the conservator's report.

Tiền bảo lãnh sẽ được xem xét lại tại phiên xét xử về báo cáo của người bảo hộ.

- [] All other accounts/liquid assets in excess of the bond shall be blocked and shall not be withdrawn except by court order. The guardian shall file a receipt of funds into the blocked account, form GDN ALL 006 *Receipt of Funds into a Blocked Financial Account*.

Tất cả các tài khoản/tài sản thanh khoản khác vượt quá số tiền bảo lãnh sẽ bị phong tỏa và không được rút ra trừ khi có lệnh tòa. Người giám hộ sẽ trình nộp biên nhận về số tiền chuyển vào tài khoản bị phong tỏa, mẫu đơn GDN ALL 006 Biên Nhận về Số Tiền chuyển vào Tài Khoản Tài Chánh Bị Phong Tỏa.

21. Report
Báo Cáo

The guardian and/or conservator's report is due within 45 days of the order.

Báo cáo của người giám hộ và/hoặc người bảo hộ đến hạn trong vòng 45 ngày kể từ ban hành lệnh này.

22. Rights
Các Quyền

Respondent retains all rights they enjoyed prior to the entry of the emergency guardianship and/or conservatorship order, with the exception to the rights specifically removed by this order in sections **14** and **15**.

*Bị Đơn giữ lại tất cả các quyền mà họ đã được hưởng trước khi có lệnh về quyền giám hộ và/hoặc quyền bảo hộ khẩn cấp, ngoại trừ các quyền bị tước bỏ cụ thể theo lệnh này trong mục **14** và **15**.*

23. Duration of guardianship/conservatorship
Thời hạn về quyền giám hộ/quyền bảo hộ

This guardianship and/or conservatorship shall continue for 60 days from the date of this order.

Quyền giám hộ và/hoặc quyền bảo hộ này sẽ có hiệu lực trong 60 ngày kể từ ngày ban hành lệnh này.

24. Discharge/retention of visitor
Bãi nhiệm/giữ lại người biện hộ

- [] The visitor is discharged; **or**
Người biện hộ bị bãi nhiệm; hoặc

- [] The visitor is authorized to spend _____ more hours at \$_____ hourly rate and shall continue performing further duties or obligations as follows:
Người biện hộ được cho phép dành _____ nhiều giờ hơn ở mức theo giờ \$ và phải tiếp tục thực hiện thêm các trách nhiệm hoặc nghĩa vụ như sau:

25. Persons with a right to receive notice and pleadings
Những người có quyền nhận được thông báo và lời biện hộ

The following persons listed below are entitled to certain statutory notices, as described in RCW 11.130.310 and RCW 11.130.420:

Những người được liệt kê dưới đây có quyền được nhận các thông báo nhất định theo đạo luật như được quy định trong RCW 11.130.310 và 11.130.420:

Name: _____
Tên: _____

Address: _____
Địa chỉ: _____

Name: _____
Tên: _____

Address: _____
Địa chỉ: _____

[] The spouse, adult children, or domestic partner (name/s) _____
_____ are not entitled to notice.

*Vợ/chồng, các con trưởng thành hoặc bạn tình sống chung ((các) tên)
không có quyền được thông báo.*

*(Add more names or extra sheets if necessary)
(Thêm nhiều tên hoặc giấy nếu cần)*

26. Guardian/Conservator Fees

Phí Người Giám Hộ/Người Bảo Hộ

[] DSHS cases: The guardian/conservator is allowed such fees and costs as permitted by the Washington Administrative Code in the amount of \$235.00 per month as a deduction from the Respondent's participation in the DSHS cost of care. Such fees are subject to court review and approval. The guardian may petition for fees in excess of the above amount only on notice to the appropriate DSHS Regional Administrator, per WAC 182.513.1530; **or**

*Các vụ án DSHS: Người giám hộ/người bảo hộ được cho phép các phí và chi phí như vậy theo quy định của Bộ Luật Hành Chánh Washington với số tiền là \$235.00 mỗi tháng như một khoản khấu trừ từ khoản tham gia của Bị Đơn vào chi phí chăm sóc DSHS. Các phí này phải được tòa án tái xét và chấp thuận. Người giám hộ chỉ có thể xin các phí vượt quá số tiền nêu trên khi thông báo cho Quản Trị Viên Khu Vực DSHS phù hợp, theo WAC 182.513.1530; **hoặc***

[] Non-DSHS cases: The guardian/conservator shall petition the court for approval of fees. The guardian/conservator may advance themselves \$_____ per month, subject to court review and approval.

Các vụ án không phải của DSHS: Người giám hộ/người bảo hộ phải xin tòa án chấp thuận các phí. Người giám hộ/người bảo hộ có thể tự đưa ra \$_____ mỗi tháng, phải được tòa án tái xét và chấp thuận.

27. Court Visitor Fee

Phí Người Biện Hộ Đại Diện

The visitor fees and costs are approved as reasonable in the total amount of \$_____. The fees shall be paid from [] the estate assets,

[] the county, [] other source as follows: _____

Phí và chi phí người biện hộ được chấp thuận là hợp lý trong tổng số tiền là \$
. Phí sẽ được trả từ [-] tài sản thừa kế, [-] quận, [-] nguồn lực khác như sau:

**28. Legal Fees
Phí Pháp Lý**

The legal fees and costs of \$_____ are approved as reasonable in the amount of
Phí và chi phí pháp lý là \$_____ được chấp thuận là hợp lý trong số tiền là

\$_____, and shall be paid from the:
\$, và phải được chi trả từ:

- ☐ guardianship/conservatorship estate assets; **or**
tài sản thừa kế thuộc quyền giám hộ/quyền bảo hộ; **hoặc**
- ☐ deduction from the Respondent's participation in the DSHS cost of care, **or**
khoản khấu trừ từ khoản tham gia của Bị Đơn vào chi phí chăm sóc DSHS, **hoặc**
- ☐ other source/s as follows:_____
(các) nguồn lực khác như sau:

**29. Other
Khác**

Dated _____
Đề ngày _____

Judge/Court Commissioner
Thẩm Phán/Ủy Viên Tòa Án

Presented by:
Được trình bày bởi:

Signature of Petitioner/Lawyer
Chữ Ký của Nguyên Đơn/Luật Sư

Printed Name
Tên Viết In

WSBA or CPG No.
WSBA hoặc CPG Số:

Copy received and approved by:
Bản sao đã nhận và chấp thuận bởi:

Signature of Guardian/Conservator
Chữ Ký của Người Giám Hộ/Người Bảo Hộ

Printed Name
Tên Viết In

WSBA or CPG No.
WSBA hoặc CPG Số:

Signature of Petitioner/Lawyer
Chữ Ký của Nguyên Đơn/Luật Sư

Printed Name
Tên Viết In

WSBA or CPG No.
WSBA hoặc CPG Số: